

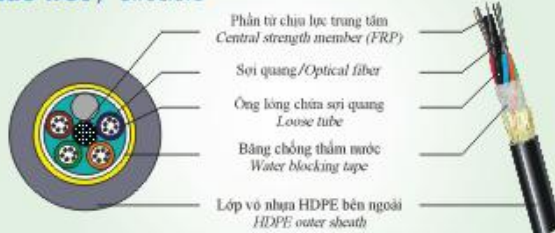
Cáp quang luồng ống (DU) Ducted Cable (DU)

Đặc tính kỹ thuật và ứng dụng / Technical characteristics and application

- Từ 2 – 288 sợi quang SMF / Capacity: 2 to 288 fibers.
- Công nghệ điện đẩy ống lồng và chống thấm Drycore, ngăn nước và hơi ẩm xâm nhập tốt nhất.
Technology Drycore waterproof, preventing moisture intrusion and water best.
- Cáp có đường kính nhỏ, gọn và nhẹ, dễ dàng khi lắp đặt, xử lý và vận chuyển.
Small diameter cables, compact and lightweight, easy to install, handle and transport.
- Với vật liệu phi kim loại ngăn ngừa được rỉ sét, ăn mòn hóa học / Material is non-metal manufacturing, should prevent rust, chemical effects.
- Cáp chịu được những tác động cơ học, môi trường khi lắp đặt và sử dụng / Central strength member (FRP) and Reinforce strength member (Aramid) fiber cable protection to withstand mechanical action, the environment they are installed and used.
- Cáp được thiết kế phù hợp cho sử dụng / Cable is designed for use appropriate to the:
 - Hệ thống mạng cục bộ / Local area network system
 - Hệ thống mạng thuê bao / The subscriber network system
 - Hệ thống thông tin nội bộ / Internal information systems
 - Hệ thống thông tin liên lạc đường dài / Long haul communication system.
 - Mạng truyền hình / Television network.



Cấu trúc / Structure



Thông số kỹ thuật / Technical Specifications

Số sợi quang / Capacity optical fiber
Phân tử chịu lực trung tâm / Strength member
Hợp chất điện đẩy ống lồng / Filling compound
Băng quấn quanh lõi / Wrapping
Vỏ bảo vệ / Sheath
Đường kính ngoài của cáp / Diameter cable
Bán kính uốn cong nhỏ nhất khi lắp đặt <i>Minimum bending radius while installation</i>
Bán kính uốn cong nhỏ nhất sau khi lắp đặt <i>Minimum bending radius after installation</i>
Sức bền kéo khi lắp đặt / Ultimate Tension Strength
Sức bền kéo sau khi lắp đặt / Estimate Tension Strength
Sức bền nén / Applied load Crush Resistance
Nhiệt độ khi lắp đặt / Installation temperature
Nhiệt độ khi làm việc / Operating temperature
Nhiệt độ lưu trữ / Storing temperature

Tiêu chuẩn / Standard

2 – 288 sợi quang / 2 – 288 fiber
Fibre Reinforce with Plastic
Dầu Jelly / Jelly compound
Băng chống thấm nước / Water blocking tape
Nhựa HDPE màu đen / High Density Polyethylene
9.2 mm – 26 mm
20 lần đường kính ngoài của cáp <i>20 times of overall diameter cable</i>
10 lần đường kính ngoài của cáp <i>10 times of overall diameter cable</i>
2700 N
2000 N
2000N/100mm
- 05° C to 50° C
- 30° C to 70° C
- 30° C to 70° C

TCN 68-160:1996, TCVN 6745:2000, TCVN 8665 và IEC, EIA